TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 02/2025/QĐST-VLĐ	*Yên Phong, ngày 19 tháng 5 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

"V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

*** Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hữu Quân – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Lao động thụ lý số 02/2025/TLST-VLĐ, ngày 06/5/2025 về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu*", theo Quyết định mở phiên họp số 02/2025/QĐST-VLĐ, ngày 15/5/2025, đối với:

***Người yêu cầu*:** Chị Vi Thị T, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Y, Y, Y, Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị M- chức vụ: Trưởng phòng nhân sự cấp cao công ty TNHH S1 (có đơn xin vắng mặt)

2. Bảo hiểm xã hội khu vực XI (Bắc Giang – Bắc Ninh).

Địa chỉ: Số B, đường H, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh T1- chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đăng H- chức vụ: Trưởng phòng Thanh tra- Kiểm tra (có đơn đề nghị vắng mặt).

3. Chị Lý Thị H1, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

** Tại đơn yêu cầu và biên bản lấy lời khai người yêu cầu là chị Vi Thị T trình bày:*

Chị và chị Lý Thị H1 là hai chị em họ. Tháng 10/2012, chị có cho chị Lý Thị H1, sinh năm 1991 địa chỉ tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang mượn chứng minh thư nhân dân của chị để chị H1 làm hồ sơ xin việc vào công ty TNHH S1, địa chỉ: Khu công nghiệp Y, Y, Y, Bắc Ninh. Tháng 10/2012, chị H1 ký hợp đồng lao động với công ty TNHH S1 với thời hạn hợp đồng là hai năm. Sau đó, đến tháng 10/2014, chị H1 lại ký tiếp hợp đồng với công ty TNHH S1. Cả hai hợp đồng chị H1 ký với công ty TNHH S1 đều mang tên chị là Vi Thị T.

Sau đó, đến tháng 3/2017, chị H1 chấm dứt hợp đồng lao động với công ty TNHH S1. Khi chị H1 chấm dứt hợp đồng lao động với công ty thì có quyết định cho nghỉ việc của công ty.

Từ tháng 6/2010 đến tháng 3/2013 chị làm ở công ty M1. Từ tháng 4/2013 đến tháng 01/2021 chị làm ở công ty M2 Cầu có nhà máy trên địa bàn huyện L. Sau đó, tháng 3/2021 đến tháng 02/2022 chị đi làm ở công ty S2. Từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2023 chị quay trở lại làm việc tại công ty M2 Cầu có nhà máy tại L sau đó xin nghỉ việc. Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023 chị làm việc tại công ty M1. Từ tháng 9/2023 đến nay chị làm ở công ty L tại Bắc Giang. Trong quá trình chị đi làm việc thì chị có đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang theo quy định với mã số bảo hiểm là: 2411000423.

Hiện nay chị bị trùng sổ bảo hiểm như sau:

- Sổ 1: 2411000423 cấp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang.
- Sổ 2: 2712069753 cấp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh.

Nay chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 36403/LC-SEV được ký ngày 06/10/2012 và Hợp đồng lao động số 36403/2014/2 được ký kết ngày 06/10/2014 giữa Công ty TNHH S3 với chị là Vi Thị T (do Lý Thị H1 giao kết) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thị H1 trình bày: Tháng 10/2012, chị có mượn của chị Vi Thị T chứng minh thư nhân dân mang tên Vi Thị T để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH S1. Do vậy, hồ sơ xin việc của chị tại Công ty TNHH S1 mang tên chị Vi Thị T.

Sau đó, chị có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1, địa chỉ: Khu công nghiệp Y, Y, Y, Bắc Ninh với vị trí làm việc: Nhân viên sản xuất với thời hạn là hai năm từ tháng 10/2012 đến tháng 10/2014. Sau đó, hết thời hạn hai năm chị ký lại hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1. Cả hai hợp đồng lao động này đều mang tên Vi Thị T. Cho đến ngày 25/3/20217, chị chấm dứt hợp đồng lao động với công ty S1. Do chị xin nghỉ nên khi nghỉ việc có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động từ công ty với chị.

Nay chị Vi Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố hai Hợp đồng lao động giữa chị Vi Thị T ký kết với công ty S1, cụ thể là: Hợp đồng lao động số 36403/LC-SEV được ký ngày 06/10/2012 và Hợp đồng lao động số 36403/2014/2 được ký kết ngày 06/10/2014 giữa Công ty TNHH S3 với Vi Thị T (do Lý Thị H1 là chị ký kết hợp đồng) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu chị đồng ý với yêu cầu của chị T. Chị đề nghị Tòa án tuyên hai hợp đồng này vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo yêu cầu của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty TNHH S1 do bà Trần Thị M là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Giữa công ty TNHH S1 với chị Vi Thị T (do chị Lý Thị H1 giao kết) có ký hai hợp đồng lao động số 36403/LC-SEV và hợp đồng số 36403/2014/2. Ngoài hai hợp đồng trên công ty không ký thêm hợp đồng nào nữa. Thời gian chị Vi Thị T làm việc tại công ty TNHH S1 là từ ngày 06/10/2012 đến ngày 25/3/2017. Trong thời gian làm vệc tại công ty TNHH S1, chị Vi Thị T đã tham gia bảo hiểm xã hội tại cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh từ tháng 10/2012 đến hết tháng 3/2017.

Đối với yêu cầu của chị Vi Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 36403/LC-SEV được ký ngày 06/10/2012 và Hợp đồng lao động số 36403/2014/2 được ký kết ngày 06/10/2014 giữa Công ty TNHH S3 với chị là Vi Thị T (do Lý Thị H1 giao kết) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.Công ty TNHH S4 đề cao tính trung thực trong mọi hoạt động tuyển dụng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc người lao động và người sử dụng lao động cần cung cấp thông tin chính xác cho bên còn lại để việc giao kết hợp đồng được thực hiện chính xác và theo quy định của pháp luật. Mọi hành động gian dối trong việc giao kết hợp đồng lao động cần được xác minh và xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do điều kiện công việc nên công ty TNHH S1 xin được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội khu vực XI do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo dữ liệu của cơ quan bảo hiểm xã hội đang quản lý, bà Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991 có đóng bảo hiểm xã hội bằng hai số sổ: 2411000423 và 2712069753, bị trùng đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2012 đến tháng 3/2013 và từ tháng 11/2013 đến tháng 3/2017. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong tuyên bố hợp đồng lao động đã ký mang tên Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991 với công ty TNHH S1 vô hiệu đồng thời đề nghị Tòa án xem xét hiệu chỉnh hồ sơ bảo hiểm xã hội, cấp lại sổ bảo hiểm xã hội và xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của số sổ bảo hiểm xã hội 27120697753 từ bà Vi Thi T2, sinh ngày 19/3/1991 sang bà Lý Thị H1, sinh năm 1991. Các bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên hệ với bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố B- Q để được hướng dẫn cấp lại sổ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do công việc bận nên

bảo hiểm xã hội khu vực XI vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung:

- Căn cứ các Điều 122, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 117, Điều 122, Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 55 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006
- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402, Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Vi Thị T3. Tuyên bố Hợp đồng lao động số 36403/LC-Sev ký ngày 06/10/2012 và hợp đồng lao động số 36403/2014/2 ký ngày 06/10/2014 giữa công ty TNHH S1 ký kết trong thời gian từ 10/2012 đến tháng 3/2017 (số sổ: 2710269753) dưới tên người lao động là Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991 với chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S1 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1, có địa chỉ tại: Khu công nghiệp Y, Y, Y, tỉnh Bắc Ninh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong theo quy định tại điểm v, khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Vi Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố hai hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S1 với chị Lý Thị H1 (khi ký lấy tên chị Vi Thị T) là vô hiệu:

Qua lời khai của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ xác định: Vào thời gian từ tháng 10/2012 đến tháng 3/2017, chị Lý Thị H1 đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị Vi Thị T để

giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1. Những hợp đồng lao động giữa chị T và Công ty TNHH S1 giao kết trong thời gian này có dấu hiệu lừa dối về chủ thể vi phạm nghiêm trọng nội dung của hợp đồng lao động, làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Do vậy, đề nghị của chị Vi Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Vi Thị T với Công ty TNHH S1 vô hiệu là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Căn cứ các hợp đồng lao động đã được ký kết, chị Lý Thị H1 đã tham gia lao động tại Công ty TNHH S1 trong thời gian từ tháng 10/2012 đến tháng 3/2017 và đã tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991; CMND số 122028350 với số sổ bảo hiểm 2712069753. Đối với chị Vi Thị T, từ tháng 6/2010 đến nay chị T làm việc ở nhiều công ty và tham gia bảo hiểm xã hội tại bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang với số sổ 2411000423. Xét 02 sổ bảo hiểm trên thì thấy rằng sổ bảo hiểm có mã số 2710016900 phát sinh từ hợp đồng lao động vô hiệu và không đúng với thực tế lao động của chị Vi Thị T. Do vậy, cần xác định chị Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991 có duy nhất 01 sổ bảo hiểm xã hội số 2411000423 phát sinh từ quá trình chị T bảo hiểm xã hội tại các công ty mà chị Vi Thị T giao kết hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật.

[3] Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu:

Xét sổ bảo hiểm xã hội số 2712069753 là sổ bảo hiểm do chị Vi Thị T cho chị Lý Thị H1 mượn chứng minh nhân dân để chị H1 lao động tại Công ty TNHH S1 là vi phạm quy định pháp luật dẫn đến hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Lý Thị H1 (dưới tên Vi Thị T) và Công ty TNHH S1 là vô hiệu. Việc chị Vi Thị T được tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 2712069753 theo hợp đồng lao động trên là trái với quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012, tương ứng với khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì "Khi hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu toàn bộ thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động được giải quyết theo quy định của pháp luật; trường hợp do ký sai thẩm quyền thì hai bên ký lại.". Theo điểm c khoản 2 Điều 10 và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động và điều kiện lao động và quan hệ lao động thì "thời gian người lao động làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu được tính là thời gian làm việc của người lao động cho người sử dụng lao động để làm căn cứ thực hiện chế độ theo quy định của pháp luật về lao động.". Do hợp đồng lao động giao kết giữa chị Lý Thị H1 (mượn tên Vi Thị T) với Công ty TNHH S1 đã chấm dứt. Do đó chị H1, Công ty TNHH S1 cần phối hợp với Bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố Bắc Ninh- Q để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH đối với thời gian chị H1 mượn hồ sơ của chị T để làm việc và tham gia BHXH.

[4] Về lệ phí: Chị Vi Thị T phải chịu lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 122, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 117, Điều 122, Điều 127 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị T.

Tuyên bố Hợp đồng lao động số 36403/LC-SEV ký ngày 06/10/2012 và hợp đồng lao động số 36403/2014/2 ký ngày 06/10/2014 giữa công ty TNHH S1 ký kết trong thời gian từ 10/2012 đến tháng 3/2017 (số sổ: 2710269753) dưới tên người lao động là Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991 với chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S1 là vô hiệu

Xác nhận chị Vi Thị T, sinh ngày 19/3/1991 (CMND số 125061844; Căn cước công dân số 024191017393) có duy nhất 01 sổ bảo hiểm xã hội số sổ: 2411000423

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Chị Lý Thị H1 và Công ty TNHH S1 phối hợp với Bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố Bắc Ninh- Q để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH đối với thời gian chị Lý Thị H1 mượn hồ sơ chị Vi Thị T để làm việc và tham gia BHXH.

3. Về lệ phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc lao động sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng số 0000928 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết hợp lệ.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- *VKSND, TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Yên Phong;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Phong;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Thị Thu Hiền